**Phụ lục 1**

**DỰ ÁN XÂY DỰNG**

 **QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG**

*(Kèm theo kế hoạch số 3545 /KH-UBND ngày 15 /9/2020 của UBND tỉnh)*

**1. Tên gọi quy chuẩn kỹ thuật: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG (QCĐP) VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**

**2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chuẩn này quy định mức giới hạn các thông số chất lượng đối với nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Đối tượng áp dụng: Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn, bán lẻ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh (sau đây gọi tắt là đơn vị cấp nước).

**3. Cơ quan đề nghị**

- Tên cơ quan: Sở Y tế tỉnh Bình Thuận

- Địa chỉ: 59 Lê Hồng Phong, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Điện thoại: 02523.821.933, Fax: 02523.824.110.

- Email: syt@binhthuan.gov.vn

- Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Bình Thuận.

**4. Tình hình quản lý đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương hoặc đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại địa phương**

- Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương là: Sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương

- Cơ quan thuộc Chính phủ quản lý đối tượng trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật dự kiến ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Bộ Y tế.

- Tình hình quản lý cụ thể đối tượng quy chuẩn kỹ thuật:

Tổng cơ sở cấp nước trên địa bàn toàn tỉnh do ngành Y tế quản lý: 63 cơ sở. Theo phân cấp quản lý, trong đó:

+ Cơ sở cấp nước trên 1000m3/ngày đêm (do tuyến tỉnh quản lý): 19 cơ sở, cơ sở có nước nguồn là nước mặt: 18 cơ sở; cơ sở có nước nguồn là nước ngầm: 01 cơ sở;

+ Cơ sở cấp nước dưới 1000m3/ngày đêm (do tuyến huyện quản lý): 44 cơ sở, cơ sở có nước nguồn là nước mặt: 17 cơ sở; cơ sở có nước nguồn là nước ngầm: 27 cơ sở;

Các cơ sở cấp nước đều đang hoạt động, cung cấp nước ăn uống, sinh hoạt cho các hộ gia đình, công trình công cộng,.. trên địa bàn toàn tỉnh. Nước nguồn khai thác hầu hết là nước mặt và một phần nước ngầm do Bình Thuận là một trong các tỉnh khô hạn nhất nước.

Đối với chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt thành phẩm do ngành Y tế quản lý hiện đang tuân thủ theo Thông tư số 04/2009/BYT ngày 17/6/2009 (QCVN 01/2009/BYT) của Bộ Y tế về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống”; Thông tư số 05/2009/BYT ngày 17/6/2009 (QCVN 02/2009/BYT) của Bộ Y tế về ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt”.

Theo kết quả giám sát chất lượng nước do ngành Y tế thực hiện đối với các cơ sở cấp nước trên 1000m3/ngày đêm trong vòng 04 năm liên tục từ 2016 - 2019 kết quả như sau:

Tổng cơ sở được giám sát: 19 cơ sở.

- Chỉ tiêu giám sát: 15 chỉ tiêu Mức độ A - QCVN 01/2009/BYT.

Số chỉ tiêu không đạt: 04. Trong đó, không đạt chỉ tiêu Pecmanganat, Clo dư, Coliform tổng số, Coliform chịu nhiệt.

Số chỉ tiêu hay biến động Mức độ A thường là các chỉ tiêu Pecmanganat, Clo dư, Coliform tổng số, Coliform chịu nhiệt (04/15 chỉ tiêu); số chỉ tiêu còn lại ít biến động và nằm trong giới hạn cho phép.

- Chỉ tiêu cơ cở thực hiện: 16 chỉ tiêu Mức độ B - QCVN 01/2009/BYT.

Số chỉ tiêu không đạt: 0

So sánh với các chỉ tiêu thuộc QCVN 01-1:2018/BYT đều nằm trong giới hạn cho phép.

- Chỉ tiêu cơ cở thực hiện: 80 chỉ tiêu Mức độ C - QCVN 01/2009/BYT

Số chỉ tiêu không đạt: 0

So sánh với các chỉ tiêu thuộc QCVN 01-1:2018/BYT đều nằm trong giới hạn cho phép

Như vậy, Đối với chỉ tiêu Mức độ B, C nhằm đảm bảo tính khách quan (chứng minh nguồn gốc nguyên liệu lấy để gửi đi xét nghiệm), Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh sẽ thực hiện lấy mẫu xét nghiệm chất lượng nước sạch đánh giá lại toàn bộ các thông số theo Thông tư 04/2009/BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế (đơn vị có phòng thí nghiệm được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025 và đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số [107/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-107-2016-nd-cp-quy-dinh-kinh-doanh-dich-vu-danh-gia-su-phu-hop-2016-315460.aspx) thực hiện.

Từ ngày 15/6/2019, Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, Quy định chất lượng nước ăn uống sinh hoạt (QCVN 01-1/2018/BYT) có hiệu lực; trong đó quy định UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01/7/2021.

 Do đó, việc xây dựng kế hoạch thực hiện và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của tỉnh là rất cần thiết và phải thực hiện ngay.

**5. Lý do và mục đích xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

- Quy chuẩn kỹ thuật nhằm đáp ứng những mục tiêu quản lý sau đây:

+ Đảm bảo an toàn ⌧

+ Đảm bảo vệ sinh, sức khoẻ ⌧

+ Bảo vệ môi trường        ⌧

+ Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia ⌧

+ Bảo vệ động, thực vật       ⌧

+ Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ⌧

- QCĐP dùng để chứng nhận hoặc công bố hợp quy ⌧

- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan: Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt Quy định chất lượng nước ăn uống sinh hoạt.

**6. Loại quy chuẩn kỹ thuật**

 Quy chuẩn kỹ thuật chung

**7. Những vấn đề sẽ quy định trong quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

- Những vấn đề sẽ quy định:

+ Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa đặc thù.

+ Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa đặc thù.

- Bố cục, nội dung các phần chính của QCĐPcủa tỉnh Bình Thuận dự kiến:

+ Phạm vi điều chỉnh;

+ Đối tượng áp dụng;

+ Danh mục các thông số về chất lượng nước và ngưỡng giới hạn cho phép;

+ Các quy định về chế độ kiểm tra, giám sát, xét nghiệm, các thông số nước ăn uống, nước sinh hoạt;

+ Số lượng và vị trí lấy mẫu thử nghiệm;

+ Tổ chức thực hiện.

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: có ⌧ không ****

- Nội dung cần khảo nghiệm:

+ Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu liên quan để phục vụ xây dựng QCĐP;

+ Lấy mẫu nước sạch toàn tỉnh để kiểm nghiệm, phân tích, đánh giá thực trạng để phục vụ xây dựng QCĐP;

- Quy mô khảo nghiệm: Tất cả các cơ sở cấp nước có công suất thiết kế trên 1000m3/ngày đêm;

- Địa điểm khảo nghiệm: Các cơ sở cấp nước trên địa bàn toàn tỉnh.

- Thời gian khảo nghiệm: Tháng 10/2020.

**8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

**8.1. Phương pháp thực hiện**

- Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

- Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương kết hợp cả tiêu chuẩn và tham khảo các tài liệu, dữ liệu.

**8.1.1. Cơ sở lựa chọn các chỉ tiêu giám sát chất lượng nước để đánh giá thực trạng phục vụ xây dựng QCĐP**

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT.

- Báo cáo hiện trạng cung cấp nước và chất lượng nguồn nước cấp của tỉnh Bình Thuận (2014 - 2019).

- Báo cáo hiện trạng ô nhiễm nguồn nước và hiện trạng quy hoạch các nguồn nước sử dụng cho cấp nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (2014 - 2019).

- Báo cáo tình hình diễn biến các bệnh tật lây lan theo đường nước của tỉnh Bình Thuận (2014 - 2019).

- Dựa vào kết quả khảo sát đánh giá chất lượng nước bao gồm: Nước nguồn và nước thành phẩm của các nhà máy nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

- Hướng dẫn của Tổ chức Y tế thế giới về chất lượng nước.

**8.1.2 Kế hoạch khảo sát đánh giá chất lượng nước làm cơ sở cho việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

**a) Phương pháp chọn mẫu**

- Dựa vào công suất nhà máy: Lấy tất cả các cơ sở cấp nước trên 1000m3/ ngày đêm (do tuyến tỉnh quản lý): 19 cơ sở.

- Dựa vào nguồn nước: Lấy tất cả cơ sở có nước nguồn là nước ngầm: 02 cơ sở (01 cơ sở cấp nước trên 1000m3/ngày đêm, 01 cơ sở cấp nước dưới 1000m3/ ngày đêm) nên chọn 01 cơ sở dưới 1000m3/ngày đêm.

- Dựa vào sự phân bố vùng: Sự phân bố địa lý, địa hình các huyện, thị trên địa bàn tỉnh, số lượng nhà máy đặt từng khu vực trong các huyện, thị, hải đảo: Nên chọn 5 cơ sở cấp nước dưới 1000m3/ ngày đêm.

**Tổng số mẫu nước lấy làm xét nghiệm: 25 mẫu.**

**b) Phương pháp thực hiện**

- Xét nghiệm các mẫu nước nguồn, xem xét kết quả xét nghiệm có sẵn nước thành phẩm của các trạm cấp nước theo **91** chỉ tiêu mức B trong QCVN 01-1: 2018/BYT. Lý do lựa chọn xét nghiệm **91** chỉ tiêu là vì từ trước tới nay chưa có cơ sở cung cấp nước nào thực hiện theo QCVN 01-1, trên cơ sở kết quả xét nghiệm mẫu nước để có cơ sở khoa học loại trừ và lựa chọn những chỉ tiêu thường xuyên xuất hiện nhất để đưa vào QCĐP.

- Xem xét công tác nội kiểm, ngoại kiểm và quy trình vận hành hệ thống xử lý nước để xác định các yếu tố có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước của trạm cấp nước. Tổng hợp, đánh giá sự phù hợp và khả năng xử lý các công nghệ xứ lý nước được các trạm cấp nước sử dụng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

- Kết quả các mẫu nước được tổng hợp và nhập liệu bằng phần mềm Epidata.

**8.1.3. Xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt**

- Từ các kết quả khảo sát đánh giá chất lượng nước của tỉnh Bình Thuận kết hợp với các báo cáo kết quả nước nguồn, báo cáo hiện trạng cấp nước, báo cáo tình hình bệnh tật, hiện trạng ô nhiễm nguồn nước... sẽ tiến hành đề xuất các chỉ tiêu chất lượng nước cho dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

- Xây dựng bản dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

- Gửi bản dự thảo xin ý kiến góp ý của các chuyên gia, ban ngành trong tỉnh.

- Tổ chức hội thảo chuyên đề lấy ý kiến của các chuyên gia về khung dự thảo để hoàn thiện bản dự thảo.

- Trình Bộ Khoa học và công nghệ, Cục Quản lý môi trường y tế xem xét cho ý kiến và hoàn chỉnh.

- Trình UBND tỉnh xem xét và phê duyệt ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

**8.2. Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

- Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

- Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống (QCVN 01:2009/BYT).

- Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QCVN 02:2009/BYT).

- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 về việc Quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ Tài Chính “Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức".

- Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2018/BYT).

- Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

- Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Tài chính về việc ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

- Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 25/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số mức chi đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

**9. Kiến nghị Ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

-  Cơ quan, tổ chức biên soạn QCĐP: Sở Y tế Bình Thuận là cơ quan chủ trì biên soạn QCĐP.

- Ban soạn thảo QCĐP: Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập Tổ soạn thảo QCĐP để tổ chức hoạt động biên soạn: Dự kiến tổ soạn thảo QCĐP có 16 thành viên gồm: 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban, 9 thành viên phụ trách biên soạn, Tổ giúp việc (05 người).

Sở Y tế: Trưởng ban; Sở Khoa học và Công nghệ làm Phó trưởng ban thường trực; các thành viên ban biên soạn đại diện: Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lãnh đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Lãnh đạo Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Thuận; Tổ giúp việc đại diện: Phòng nghiệp vụ - Sở Y tế (01), Khoa sức khỏe môi trường - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (03) và Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng - thuộc Sở Khoa học Công nghệ (01).

  **10. Cơ quan phối hợp xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lương, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Thuận,...

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Y tế.

- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Sở khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Thuận, các chuyên gia lĩnh vực cấp nước và chất lượng nước, các tổ chức hoạt động lĩnh vực nước sạch trên địa bàn tỉnh.

**11. Dự kiến tiến độ thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung công việc** | **Thời gian** |
| **1** | Chuẩn bị biên soạn dự thảo QCĐP về chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt: | **Bắt đầu** | **Kết thúc** |
| 1.11.21.3 | - Lập dự án trình QCĐP UBND tỉnh phê duyệt- Lấy ý kiến góp ý của các Sở ban ngành - Trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch- Thành lập Ban soạn thảo. | Tháng 6/2020Tháng 9/2020Tháng 9/2020 | 6/202020/9/202030/9/2020 |
| 2 | Biên soạn dự thảo QCĐP |  |  |
| 2.1 | Họp Ban soạn thảo phân công thực hiện | Tháng 10/2020 | Tháng 10/2020 |
| 2.2 | Hoạt động khảo nghiệm xây dựng dự thảo QCĐP (Khảo sát, lấy mẫu nước sạch toàn tỉnh để kiểm nghiệm, phân tích, đánh giá thực trạng)- Thực hiện điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng để phục vụ xây dựng QCĐP- Xây dựng kế hoạch đi lấy mẫu thử nghiệm, phân tích các chỉ tiêu phục vụ cho xây dựng QCĐP (thời gian, địa điểm, nhân sự, số lượng mẫu, kinh phí)- Lấy mẫu gửi phân tích chỉ tiêu chất lượng nước- Tổng hợp kết quả thử nghiệm, phân tích các mẫu thử nghiệm để phục vụ xây dựng QCĐP | Tháng 10/2020 | Tháng 10/2020 |
| 2.3 | Tổ chức họp thông qua kết quả điều tra, khảo sát:- Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng để phục vụ xây dựng QCĐP;- Tổng hợp kết quả thử nghiệm, phân tích các mẫu thử nghiệm để phục vụ xây dựng QCĐP;- Tiếp tục lấy ý kiến nhận xét, đóng góp của các thành viên đối với dự thảo QCĐP | Tháng 11/2020 | Tháng 10/2020 |
| 2.4 | Xây dựng dự thảo lần 01 QCĐP: Kèm thuyết minh QCĐP | Tháng 11/2020 | Tháng 11/2020 |
| 2.5 | Tổng hợp và gửi dự thảo QCĐP cho các thành viên, lấy ý kiến các thành viên về dự thảo QCĐP | Tháng 12/2020 | Tháng 12/2020 |
| 2.6 | Họp Ban soạn thảo thông qua dự thảo QCĐP lần 01 | Tháng 12/2020 | Tháng 12/2020 |
| 2.7 | Xây dựng báo cáo tiếp thu ý kiến đóng góp QCĐP Chỉnh sửa QCĐP sau cuộc họp; Chuyển Ban soạn thảo để chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo | Tháng 12/2020 | Tháng 12/2020 |
| 2.8 | Xây dựng dự thảo lần 02 QCĐP: Kèm thuyết minh QCĐP + Báo cáo giải trình | Tháng 12/2020 | Tháng 12/2020 |
|  | Họp Ban soạn thảo thông qua dự thảo QCĐP lần 02 | Tháng 01/2021 | Tháng 01/2021 |
| 2.9 | Xây dựng báo cáo tiếp thu ý kiến đóng góp QCĐP lần 02, Chỉnh sửa QCĐP sau cuộc họp; Chuyển Ban soạn thảo để chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo | Tháng 01/2021 | Tháng 01/2021 |
| 2.10 |  Hoàn chỉnh dự thảo QCĐP lần 03: Kèm thuyết minh QCĐP + Báo cáo giải trình | Tháng 01/2021 | Tháng 01/2021 |
| 3 | Gửi Lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan ban ngành địa phương có liên quan, các thành viên trong Ban soạn thảo và đối tượng chịu tác động trực tiếp QCĐP *(có đăng trên website Sở Y tế và Trang điện tử của UBND tỉnh)* | Tháng 01/2021 | Tháng 01/2021 |
|  | - Tổng hợp ý kiến; Hoàn chỉnh dự thảo QCĐP lần 04: Kèm thuyết minh QCĐP + Báo cáo giải trình- Lập hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh văn bản lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ y tế | Tháng 02/2021 | Tháng 02/2021 |
| 4 | Chỉnh sửa sau ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế. Hoàn chỉnh, lập hồ sơ QCĐP trình duyệt | Tháng 03/2021 | Tháng 03/2021 |
| 5 | Gửi thẩm định hồ sơ dự thảo QCĐP | Tháng 04/2021 | Tháng 04/2021 |
| 6 | Sau khi có ý kiến đồng ý với việc ban hành QCĐP của Bộ, tham mưu UBND tỉnh Quyết định ban hành QCĐP | Tháng 05/2021 | Tháng 05/2021 |
| 7 | Đăng ký và thông báo việc ban hành QCĐP | Tháng 05/2021 | Tháng 05/2021 |
| 8 | Hội nghị phổ biến và hướng dẫn áp dụng QCĐP | Tháng 06/2021 | Tháng 06/2021 |

**12. Dự toán kinh phí thực hiện** *(đính kèm phụ lục dự án)*

Tổng kinh phí dự kiến: **740.000.000** (Bảy trăm bốn mươi triệu đồng chẵn)

*Trong đó: Ngân sách Nhà nước: 100%*

Kinh phí được cấp từ nguồn chi công việc giao cho ngành y tế.